

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4796~~ /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Vĩnh Lát, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về việc quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Vĩnh Lát, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống” (*Khu vực mỏ Công ty TNHH Đồng Phú được cấp phép thăm dò - trữ lượng tính đến ngày 16/8/2016*);

Theo Công văn số 5646/UBND-CN ngày 02/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty TNHH Đồng Phú lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác đá vôi là vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Phúc, huyện Nông Cống;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1244/TTr-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Vĩnh Lát, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Vĩnh Lát, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Đồng Phú; địa chỉ: Số 28 liên kè 11, Khu đô thị mới Đông Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hoá;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (theo Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh):

- $G = 65.000$ đồng/ m^3 đối với đá (đá cát kết, đá Bazan) làm VLXD thông thường;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

Q là trữ lượng địa chất của đá vôi làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh là: $1.561.514 m^3$;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,95$ (vùng khó khăn theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ);

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R = 4\%$ (Đối với than bùn và các loại VLXD thông thường còn lại);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = (Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (1.561.514 m^3 \times 65.000 \text{ đồng}/m^3 \times 0,9 \times 0,95 \times 4\%) = 3.471.245.622$ đồng (Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng);

g) Số năm khai thác còn lại là: $X = 30$ năm (theo văn bản số 6068/SXD-VLXD ngày 25/10/2016 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án và Quyết định số 08/QĐ-ĐP ngày 26/10/2016 của Công ty TNHH Đồng Phú về việc phê duyệt Dự án đầu tư thì thời hạn khai thác là 30 năm);

h) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 15 lần (hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép);

i) Số tiền phải nộp hàng năm:

$T_{hn} = 2T : X = ((2 \times 3.471.245.622 \text{ đồng}) : 30) = 231.416.375$ đồng;

h) Số tiền nộp lần đầu: $T_{ld} = T_{hn} = 231.416.375$ đồng (Hai trăm ba mươi một triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng);

j) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 15) được tính theo công thức sau:

$T_n = T_{hn} \times G_n$; Trong đó:

+ T_n là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 15);

+ T_{hn} là tiền nộp hàng năm;

+ G_n giá tính tiền cấp quyền khai thác (giá tính thuế tài nguyên) tại thời điểm nộp tiền lần thứ n;

+ G giá tính tiền cấp quyền khai thác lần đầu;

k) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa:

- Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31/3 các năm tiếp theo.

2. Về việc hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Vĩnh Lạt, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống được thăm dò bằng nguồn kinh phí của Công ty TNHH Đồng Phú với số tiền là 150.000.000 đồng (có Hợp đồng kinh tế kèm theo). Vì vậy, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Đồng Phú về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Đồng Phú có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND huyện Nông Cống, UBND xã Tân Phúc có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

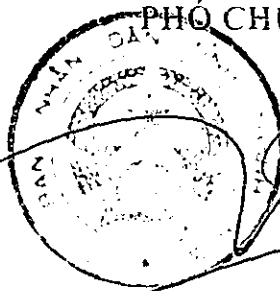
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Chủ tịch UBND xã Tân Phúc, huyện Nông Cống; Giám đốc Công ty TNHH Đồng Phú; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, CNXDGT, KTTC (HYT34671).
QDKP 16-185

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *dan*



Lê Thị Thìn